Bộ phát áp suất SPTE



Đặc trưng

Tổng quan



- thiết kế nhỏ gọn
- rất nhẹ
- tùy chọn kết nối khí nén khác nhau
- vùng áp suất khác nhau
- Tín hiệu đầu ra 0 ... 10 V hoặc 1 ... 5 V

Dải đo áp suất

[B2]	-1 ... 1 bar
[V1]	0 ... -1 bar
[P10]	0 ... 10 bar

Cổng nối khí nén

[F]	Mặt bích/tấm kết nối



[Q3]	Đầu nối dạng cắm 3 mm



[Q4]	Cổng nối phích cắm 4 mm



[S4]	Ống bọc cắm 4 mm



[S6]	Đầu nối 6 mm

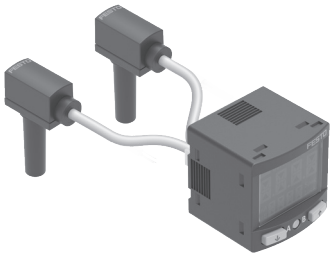


[PC10]	Ống lót 10mm



Đặc trưng

Miêu tả



- Một hoặc hai bộ truyền áp suất SPTE có thể được kết nối với bộ chuyển đổi tín hiệu SCDN
- Hiển thị giá trị đo với các đơn vị có thể lựa chọn
- Màn hình màu xanh lam với chữ trắng có độ tương phản cao và chuyển đổi màu đỏ
- Đầu ra chuyển mạch IO-Link / 2x PNP hoặc NPN
- Giám sát tối thiểu/tối đa

Mã mẫu

001	Dòng	
SPTE	Bộ phát áp suất SPTE	

002	Dải đo áp suất	
B2	-1 ... 1 bar	
P10	0 ... 10 bar	
V1	0 ... -1 bar	

003	Đầu vào áp suất	
R	Áp suất tương đối	

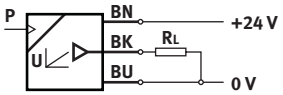
004	Cổng nối khí nén	
F	Mặt bích/tấm kết nối	
PC10	Ống lót 10mm	
Q3	Đầu nối dạng cắm 3 mm	
Q4	Cổng nối phích cắm 4 mm	
S4	Ống bọc cắm 4 mm	
S6	Đầu nối 6 mm	

005	Đầu ra điện 1	
B	1 ... 5 V	
V	0 ... 10 V	

006	Cổng nối điện	
2.5K	Cáp 2,5 m, đầu mở	

Bảng dữ liệu

Dữ liệu kỹ thuật chung



Giấy phép	Dấu RCM, c UL us - Recognized (OL)
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)[1)]	theo chỉ thị EMC của EU, theo chỉ thị RoHS của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK cho EMV, theo các quy định UK RoHS
Cơ quan cấp chứng chỉ	UL E322346
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS

1) Vui lòng tham khảo phạm vi sử dụng của tuyên bố tuân thủ EC: www.festo.com/catalogue/SPTE → Support/Downloads. Trong trường hợp hạn chế việc sử dụng thiết bị trong các khu dân cư, kinh doanh và thương mại, cũng như các cơ sở kinh doanh nhỏ, các biện pháp khác để giảm phát thải nhiễu có thể là cần thiết.

Tín hiệu đầu vào, phần tử đo lường

Dải đo áp suất	-1 ... 1 bar [B2]	0 ... 10 bar [P10]	0 ... -1 bar [V1]
Kích thước đo	Áp suất tương đối		
Phương pháp đo lường	Cảm biến áp suất Piezoresistive		
Dải đo áp suất Giá trị ban đầu	-0,1 MPA	0 MPA	
Dải đo áp suất Giá trị cuối	0,1 MPA	1 MPA	-0,1 MPA
Dải đo áp suất Giá trị ban đầu	-1 bar	0 bar	
Dải đo áp suất Giá trị cuối	1 bar	10 bar	-1 bar
Giá trị ban đầu dải đo áp suất	-14,5 psi	0 psi	
Dải đo áp suất giá trị cuối	14,5 psi	145 psi	-14,5 psi
Ap suất quá tải	0,5 MPA	1,5 MPA	0,5 MPA
áp suất quá tải	5 bar	15 bar	5 bar
áp suất quá tải	72,5 psi	217,5 psi	72,5 psi
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]		
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Có thể hoạt động bằng dầu		
Nhiệt độ trung bình	0 ... 50°C		
Nhiệt độ môi trường xung quanh	0 ... 50°C		

Đầu ra nói chung

Độ chính xác theo ±% FS[1)]	3 %FS
Độ chính xác lặp lại theo ± %FS	0,3 %FS
Hệ số nhiệt độ tính bằng ±% FS / K	0,05 %FS/K

1) % FS = % phạm vi đo (toàn thang đo)

Đầu ra analog

Đầu ra điện 1	1 ... 5 V [B]	0 ... 10 V [V]
Thời gian tăng	1 ms	
Trở kháng tải tối thiểu đầu ra điện áp	15 kOhm	

Đầu ra nhiều dữ liệu hơn

Chống chịu ngắn mạch	cho tất cả các kết nối điện

Bảng dữ liệu

Điện tử		
Đầu ra điện 1	1 ... 5 V [B]	0 ... 10 V [V]
Dải điện áp hoạt động DC	10 ... 30 V	18 ... 30 V
Chống phân cực	cho tất cả các kết nối điện	

Cơ điện	
Cổng nối điện	3 lõi, Cáp, đầu mở
Chiều dài cáp	2,5 m

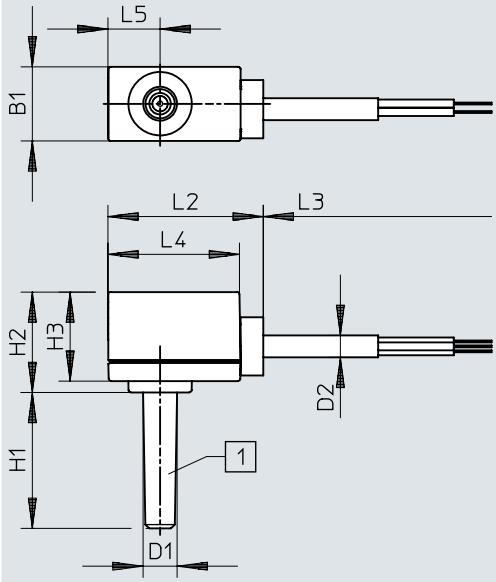
Cơ khí						
Cổng nối khí nén	Khối di chuyển 10mm	Mặt bích	QS-3	QS-4	Đầu nối QS-4	Đầu nối QS-6
Kiểu gắn	Cổng nối kiểu chân	với lỗ thông và vít	với phụ kiện		có thể cắm được	
Vị trí lắp đặt	bất kì					
trọng lượng sản phẩm	35 g					
Vật liệu vỏ	PA gia cố					
Vật liệu vòng đệm kín	FPM, NBR	FPM	FPM, NBR		FPM	

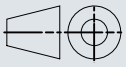
Nồng độ phát thải, phát thải						
Cổng nối khí nén	Khối di chuyển 10mm	Mặt bích	QS-3	QS-4	Đầu nối QS-4	Đầu nối QS-6
Mức độ bảo vệ	IP40					
Lớp chống ăn mòn KBK[1)]	2 - bị ăn mòn vừa phải					
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B2-L					
Tính phù hợp để sản xuất pin Li-ion	Phù hợp cho sản xuất pin với giá trị Cu/Zn/Ni giảm (F1a)	–			Phù hợp cho sản xuất pin với giá trị Cu/Zn/Ni giảm (F1a)	

1) Lớp chống ăn mòn KBK 2 theo tiêu chuẩn Festo FN 940070. Độ ăn mòn vừa phải. Sử dụng trong nhà, nơi cho phép xảy ra hiện tượng ngưng tụ hơi nước. Các bộ phận có thể thấy rõ ở bên ngoài với yêu cầu chủ yếu là bề mặt tiếp xúc trực tiếp với môi trường công nghiệp xung quanh.

Kích thước

Kích thước – SPTE-...-S... Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com



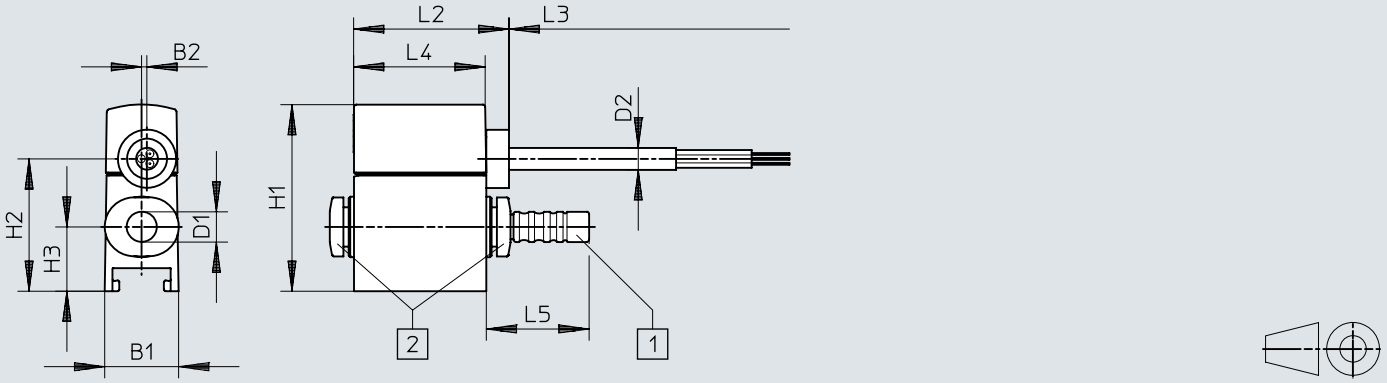


[1] Cổng nối khí nén

	B1	D1 ø	D2 ø	H1	H2	H3	L2	L3	L4	L5
SPTE-...-S4	9,8	4	2,9	18	13,3	11,8	20,5	2500	17,5	6,8
SPTE-...-S6		6		21						

Kích thước

Kích thước – SPTE-...-Q... Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com

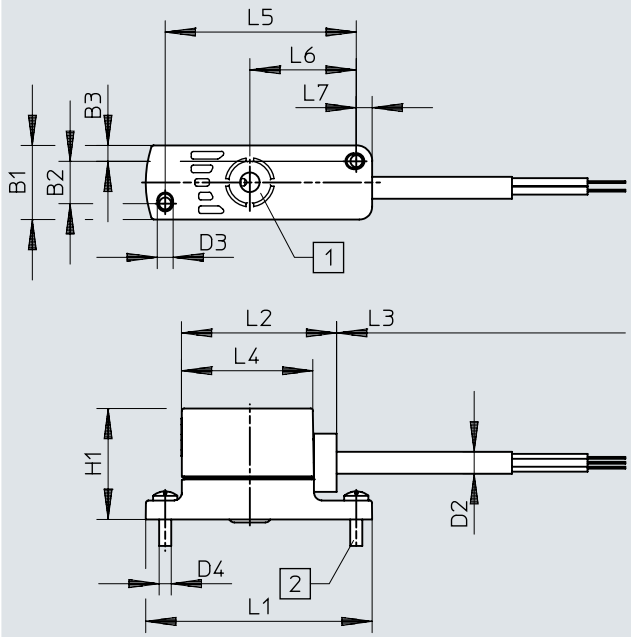


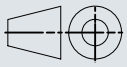
[1] Nút bịt
[2] Cổng nối khí nén

	B1	B2	D1 ø	D2 ø	H1	H2	H3	L2	L3	L4	L5
SPTE-...-Q3	9,8	0,7	3	2,9	24,7	17,5	8,5	20,5	2500	17,5	13,6
SPTE-...-Q4			4								

Kích thước

Kích thước – SPTE-...-F Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com



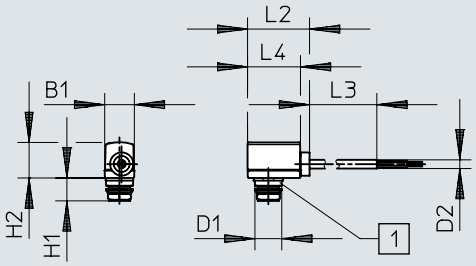


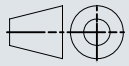
[1] Đầu nối khí nén có vòng chữ O để lắp phẳng
[2] Vít M2x6

	B1	B2	B3	D2 ø	D3 ø	D4	H1	L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7
SPTE-...-F	9,8	5,4	2,1	2,9	2,1	M2x6	15	30	20,5	2500	17,5	25	13,9	2,3

Kích thước

Kích thước – SPTE...PC10... Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com



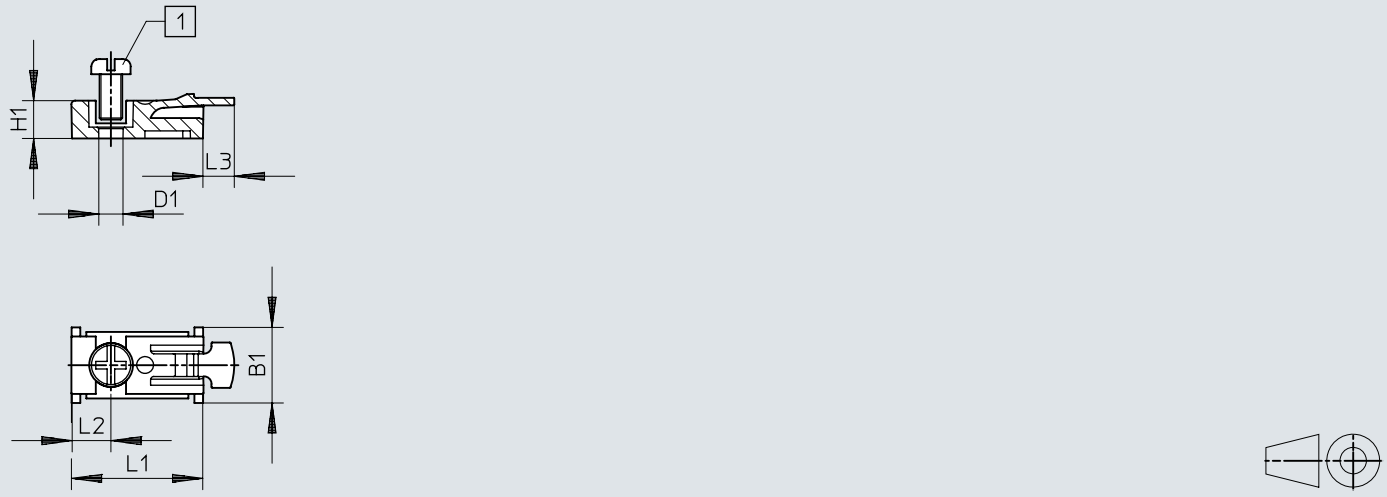


[1] Cổng nối áp suất: Khối di chuyển loại pin 10 mm

	B1	D1 ø	D2 ø	H1	H2	L2	L3	L4
SPTE-...-PC10	9,8	8,9	2,9	7,6	11,7	20,5	2500	17,5

Kích thước

Kích thước – Kẹp gắn SAMH-PE-MC-1 Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com

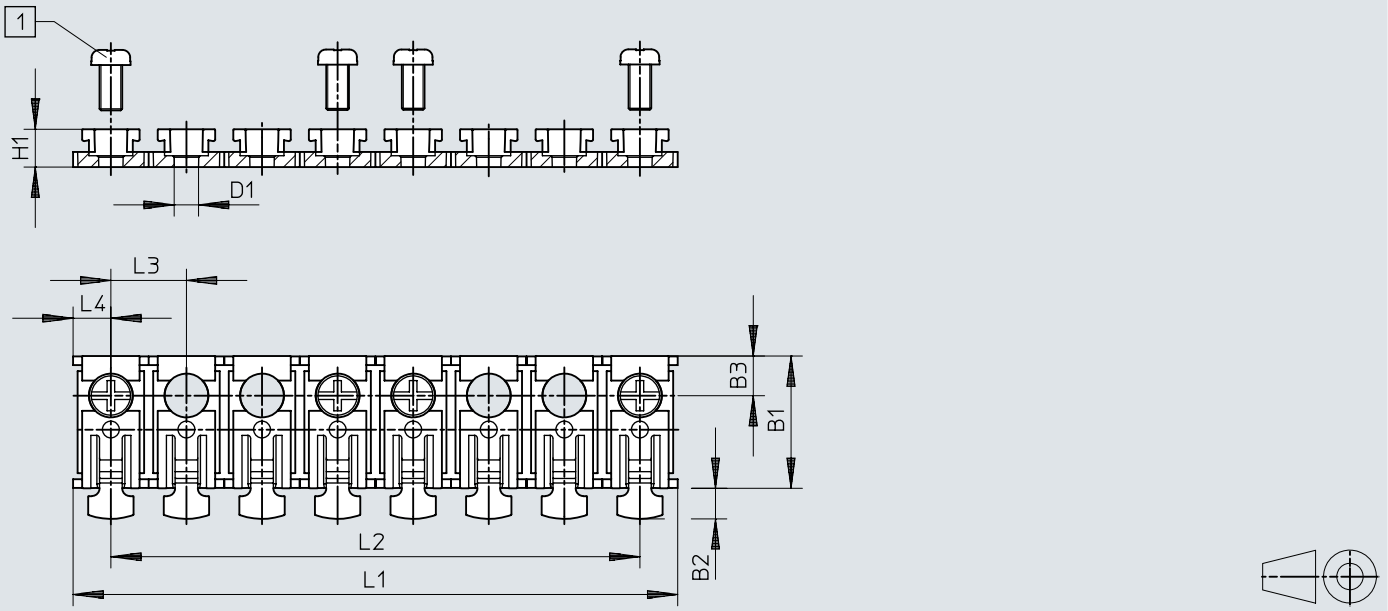


[1] Vít M3x6 (đã bao gồm trong phạm vi giao hàng)

	B1	D1 Ø	H1	L1	L2	L3
SAMH-PE-MC-1	10	3,2	5	17,5	5,3	4

Kích thước

Kích thước – Kẹp gắn SAMH-PE-MC-8 Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com

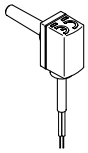


[1] Vít M3x6 (4 cái bao gồm trong phạm vi giao hàng)

	B1	B2	B3	D1 ø	H1	L1	L2	L3	L4
SAMH-PE-MC-8	17,5	4	5,3	3,2	5	80	70	10	5

Thông tin đặt hàng

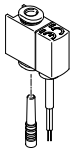
Thông tin đặt hàng - Ống bọc cắm



Dải đo áp suất Giá trị ban đầu [1]	Dải đo áp suất Giá trị cuối	Cổng nối khí nén	Số bộ phận	Loại
0 bar	-1 bar	Đầu nối QS-4	**571474**	**SPTE-V1R-S4-V-2.5K**
			571469	**SPTE-V1R-S4-B-2.5K**
		Đầu nối QS-6	**571475**	**SPTE-V1R-S6-V-2.5K**
			571470	**SPTE-V1R-S6-B-2.5K**
	10 bar	Đầu nối QS-4	**571479**	**SPTE-P10R-S4-B-2.5K**
			571484	**SPTE-P10R-S4-V-2.5K**
		Đầu nối QS-6	**571480**	**SPTE-P10R-S6-B-2.5K**
			571485	**SPTE-P10R-S6-V-2.5K**

1) Phạm vi áp suất khác theo yêu cầu (cỡ lô 80 chiếc)

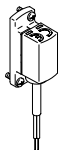
Thông tin đặt hàng - Cổng nối cắm



Dải đo áp suất Giá trị ban đầu [1]	Dải đo áp suất Giá trị cuối	Cổng nối khí nén	Số bộ phận	Loại
0 bar	-1 bar	QS-3	**571476**	**SPTE-V1R-Q3-V-2.5K**
			571471	**SPTE-V1R-Q3-B-2.5K**
		QS-4	**571472**	**SPTE-V1R-Q4-B-2.5K**
			571477	**SPTE-V1R-Q4-V-2.5K**
	10 bar	QS-3	**571481**	**SPTE-P10R-Q3-B-2.5K**
			571486	**SPTE-P10R-Q3-V-2.5K**
		QS-4	**571487**	**SPTE-P10R-Q4-V-2.5K**
			571482	**SPTE-P10R-Q4-B-2.5K**

1) Phạm vi áp suất khác theo yêu cầu (cỡ lô 80 chiếc)

Thông tin đặt hàng - Mặt bích

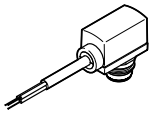


Dải đo áp suất Giá trị ban đầu [1]	Dải đo áp suất Giá trị cuối	Cổng nối khí nén	Số bộ phận	Loại
0 bar	-1 bar	Mặt bích	**571478**	**SPTE-V1R-F-V-2.5K**
			571473	**SPTE-V1R-F-B-2.5K**
	10 bar		**571483**	**SPTE-P10R-F-B-2.5K**
			571488	**SPTE-P10R-F-V-2.5K**

1) Phạm vi áp suất khác theo yêu cầu (cỡ lô 80 chiếc)

Thông tin đặt hàng

Thông tin đặt hàng - Khối di chuyển

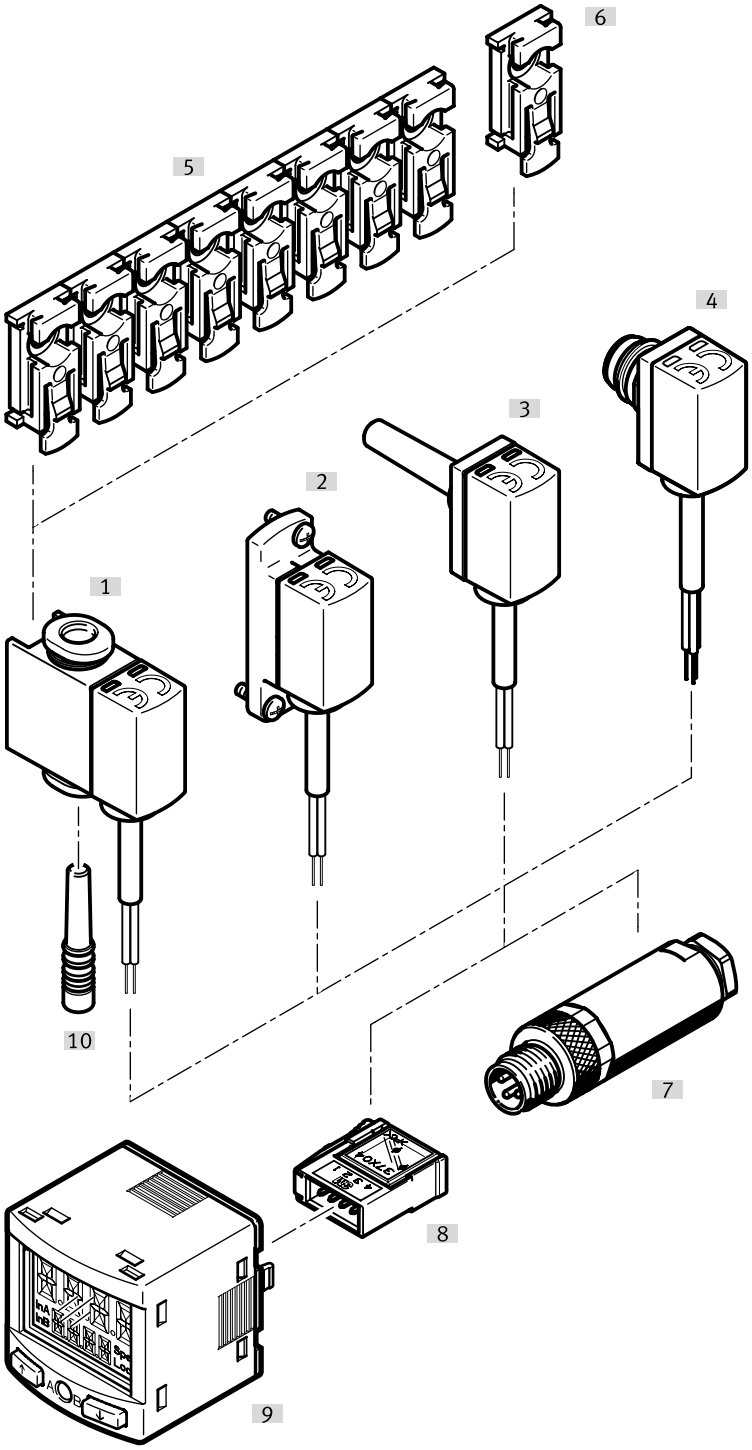


Dải đo áp suất Giá trị ban đầu [1]	Dải đo áp suất Giá trị cuối	Cổng nối khí nén	Số bộ phận	Loại
-1 bar	1 bar	Khối di chuyển 10mm	**8025977**	**SPTE-B2R-PC10-B-2.5K**
			8025976	**SPTE-B2R-PC10-V-2.5K**
0 bar	-1 bar		**8025975**	**SPTE-V1R-PC10-B-2.5K**
			8025974	**SPTE-V1R-PC10-V-2.5K**

1) Phạm vi áp suất khác theo yêu cầu (cỡ lô 80 chiếc)

Tổng quan về thiết bị ngoại vi

Tổng quan về thiết bị ngoại vi



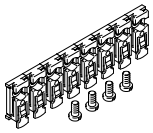
Phụ kiện			→ Trang/Internet
	Loại/mã đơn hàng	Miêu tả	
[1]	Bộ phát áp suất SPTE-...-Q...	với cổng nối cắm 3 mm hoặc 4 mm	spte
[2]	Bộ phát áp suất SPTE-...-F...	với mặt bích/tấm kết nối	spte
[3]	Bộ phát áp suất SPTE-...-S...	với ống bọc cắm 4 mm hoặc 6 mm	spte
[4]	Bộ phát áp suất SPTE-...-PC10...	với khối di chuyển 10mm	spte
[5]	Kẹp gắn SAMH-PE-MC-8	có thể được rút ngắn đến số lượng vị trí cắm mong muốn	17
[6]	Kẹp gắn SAMH-PE-MC-1	–	17
[7]	Giắc cắm	3 chân, thẳng	
[8]	Giắc cắm NECU-S-M8G3-HX-Q3	-	17

Tổng quan về thiết bị ngoại vi

Phụ kiện			→ Trang/Internet
	Loại/mã đơn hàng	Miêu tả	
[9]	Bộ chuyển đổi tín hiệu SCDN-2V-EC4-PNLK-L1	–	scdn
[10]	Nút bịt QSMC-3H	(đối với SPTE-...-Q...bao gồm trong phạm vi giao hàng)	qs

Phụ kiện

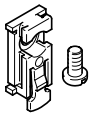
Kẹp gắn SAMH-PE-MC-8



Vật liệu đồ gắn [1]	Ghi chú vật liệu	Số bộ phận	Loại
POM	Tuân thủ RoHS	**571490**	**SAMH-PE-MC-8**

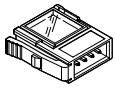
1) Người dùng có thể rút ngắn kẹp gắn SAMH-PE-MC-8 theo số khe cắm mong muốn.

Kẹp gắn SAMH-PE-MC-1



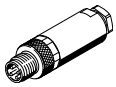
Vật liệu đồ gắn	Ghi chú vật liệu	Số bộ phận	Loại
POM	Tuân thủ RoHS	**571489**	**SAMH-PE-MC-1**

Giắc cắm, 4 chân, thiết kế vuông



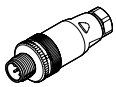
Cổng nối điện	Vật liệu vỏ	Số bộ phận	Loại
4 chân, Phích cắm thẳng / kẹp cắt, thiết kế vuông	PBT, PC	**570922**	**NECU-S-ECG4-HX-Q3**

Giắc cắm NECU-S-M8G3-HX-Q3



Cổng nối điện	Vật liệu vỏ	Số bộ phận	Loại
3 cực, M8x1, Phích cắm thẳng / kẹp cắt	PA, Kém đúc áp lực, mạ niken	**564945**	**NECU-S-M8G3-HX-Q3**

Giắc cắm NECB-S-M12G5-C2



Cổng nối điện 1, số chân cắm/ dây	Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối	Vật liệu vỏ	Số bộ phận	Loại
5	M12x1 được mã hóa A theo EN 61076-2-101	PA66-GF30	**8162296**	**NECB-S-M12G5-C2**